

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

*** Phân môn Lịch sử:**

- Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập và Lưỡng Hà, Hy Lạp và La Mã.
- Phân biệt được các nguồn sử liệu cơ bản. Nêu được ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu đó.
- Mô tả được các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thủy.
- Mô tả được quá trình thống nhất và sự xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc dưới thời nhà Tần.
- Trình bày được tổ chức nhà nước thành bang, nhà nước đế chế ở Hy Lạp và La Mã.
- Nêu được một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của Hy Lạp, La Mã. Liên hệ được một số thành tựu văn hoá tiêu biểu ở khu vực này có ảnh hưởng đến thế giới hiện nay.
- Trình bày được sự hình thành và phát triển của các vương quốc phong kiến ở Đông Nam Á từ thế kỉ VII đến thế kỉ X.
- Nêu được những thành tựu cơ bản của nền văn minh Trung Quốc.

*** Phân môn Địa lí:**

- Phân tích được các kiến thức về địa lí và cuộc sống.
- Trình bày, phân tích được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời; hình dạng và kích thước của Trái Đất; các chuyển động của Trái Đất và hệ quả.
- Trình bày được cấu tạo bên trong của Trái Đất
- Trình bày, phân tích được nguyên nhân gây ra núi lửa và động đất
- Trình bày được các dạng địa hình chính trên Trái Đất, khoáng sản.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề thực tiễn.

b. Năng lực đặc thù:

*** Phân môn Lịch sử:** Tìm hiểu lịch sử, tái hiện kiến thức, sự kiện lịch sử, phân tích, đánh giá, tổng hợp các sự kiện, nhận xét, vận dụng các kiến thức đã học.

*** Phân môn địa lí:**

- Rèn luyện kỹ năng phát hiện, vận dụng những kiến thức đã học vào bài làm, kỹ năng xác định và trả lời đúng câu hỏi.
- Rèn kỹ năng phân tích, xác định, khai thác thông tin trên lược đồ.

3. Phẩm chất:

- Trung thực: học sinh có thái độ nghiêm túc khi làm bài.
- Chăm chỉ, yêu thích môn học.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA:

50% trắc nghiệm, 50% tự luận.

III. KHUNG MA TRẬN

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
Phân môn Lịch sử											
1	TẠI SAO CẦN HỌC LỊCH SỬ?	Lịch sử là gì?			1TN						5% 0,5 đ
2	THỜI NGUYÊN THUỶ	Xã hội nguyên thủy			2TN						5% 0,5 đ
3	XÃ HỘI CỔ ĐẠI	1. Ai Cập và Lưỡng Hà			2TN						5% 0,5 đ
		2. Trung Quốc		1TL	1TN						12,5% 1,25 đ
		3. Hy Lạp và La Mã	3TN				1TL (a)		1TL (b)	22,5% 2,25 đ	
Tỉ lệ			20% 2 đ		15% 1,5 đ		10% 1 đ		5% 0,5 đ		50% 5 đ
Phân môn Địa lí											
TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	BẢN ĐỒ- PHƯƠNG TIỆN THỂ HIỆN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT	Hệ thống kinh, vĩ tuyến, Tọa độ địa lí	1TN								5% 0,5 đ
		Bản đồ, một số lưới kinh, vĩ tuyến, phương hướng trên bản đồ	1TN								
		Tỉ lệ bản đồ. Tính khoảng cách thực tế dựa vào tỉ lệ bản đồ									

2	TRÁI ĐẤT - HÀNH TINH TRONG HỆ MẶT TRỜI	Trái Đất trong Hệ Mặt Trời	1 TN							20% 2 đ
		Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả	1TN							
		Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời và các hệ quả	1TN		1TN				1TL	
3	CẤU TẠO CỦA TRÁI ĐẤT - VỎ TRÁI ĐẤT	Cấu tạo của Trái Đất. Các mảng kiến tạo	1TN			1TLa)		1TLb)		25 % 2,5 đ
		Núi lửa và động đất	1TN		1TN					
		Các dạng địa hình chính trên Trái Đất. Khoáng sản	1TN							
Tỉ lệ			20 % 2 đ		15% 1,5 đ		10% 1 đ		5% 0,5 đ	50% 5 đ
Tổng hợp chung			40% 4 đ		30% 3 đ		20% 2 đ		10% 1 đ	100% 10 đ

IV. BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
Phân môn Lịch sử							
1	TẠI SAO CẦN HỌC LỊCH SỬ?	- Lịch sử là gì?	Nhận biết - Nêu được khái niệm lịch sử - Nêu được khái niệm môn Lịch sử Thông hiểu - Giải thích được lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ - Giải thích được sự cần thiết phải học môn Lịch sử. Thông hiểu - Phân biệt được các nguồn sử liệu cơ bản, ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu (tư liệu gốc, truyền miệng, hiện vật,	1 TN	1TN		

			chữ viết,...). - Trình bày được ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu				
2	THỜI NGUYÊN THUỶ	- Xã hội nguyên thủy	Nhận biết - Trình bày được những nét chính về đời sống của người thời nguyên thủy (vật chất, tinh thần, tổ chức xã hội,...) trên Trái đất - Nêu được đôi nét về đời sống của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam Thông hiểu - Mô tả được sơ lược các giai đoạn tiến triển của xã hội người nguyên thủy. - Giải thích được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thủy cũng như của con người và xã hội loài người		2TN		
3	XÃ HỘI CỔ ĐẠI	1. Ai Cập và Lưỡng Hà	Nhận biết - Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập và người Lưỡng Hà. - Kể tên và nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá ở Ai Cập, Lưỡng Hà Thông hiểu - Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên (các dòng sông, đất đai màu mỡ) đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập và Lưỡng Hà.		2TN		

		2. Trung Quốc	Nhận biết - Nêu được những thành tựu cơ bản của nền văn minh Trung Quốc Thông hiểu - Giới thiệu được những đặc điểm về điều kiện tự nhiên của Trung Quốc cổ đại. - Mô tả được sơ lược quá trình thống nhất và sự xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc dưới thời Tần Thủy Hoàng Vận dụng - Xây dựng được đường thời gian từ đế chế Hán, Nam Bắc triều đến nhà Tùy.		1TN		
		3. Hy Lạp và La Mã	Nhận biết - Trình bày được tổ chức nhà nước thành bang, nhà nước đế chế ở Hy Lạp và La Mã - Nêu được một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của Hy Lạp, La Mã. Thông hiểu - Giới thiệu được tác động của điều kiện tự nhiên (hải cảng, biển đảo) đối với sự hình thành, phát triển của nền văn minh Hy Lạp và La Mã Vận dụng - Nhận xét được tác động về điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành, phát triển của nền văn minh Hy Lạp và La Mã. Vận dụng cao - Liên hệ được một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của Hy Lạp, La Mã có ảnh hưởng đến hiện nay	2TN 1TN		1TL(a)	1TL(b)
Số câu/ loại câu				4 câu	6 câu	1 câu	1 câu

				TNKQ 1 câu TL	TNKQ	TL (a)	TL (b)
Tỉ lệ %				20%	15%	10%	5%
Phân môn Địa lí							
1	BẢN ĐỒ- PHƯƠNG TIỆN THE HIỆN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT	1. Hệ thống kinh, vĩ tuyến.Tọa độ địa lí	Nhận biết: - Xác định được trên bản đồ và trên quả Địa Cầu: Các đường kinh, vĩ tuyến, các bán cầu.				
		2. Bản đồ, một số lưới kinh, vĩ tuyến, phương hướng trên bản đồ	Nhận biết: - Xác định được phương hướng trên bản đồ và trên quả Địa Cầu	1TN			
		3. Kí hiệu và bảng chú giải. Bản đồ, tìm đường đi trên bản đồ	Nhận biết: - Đọc được các kí hiệu bản đồ và chú giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình.	1TN			
2	TRÁI ĐẤT - HÀNH TINH TRONG HỆ MẶT TRỜI	1. Trái Đất trong Hệ Mặt Trời	Nhận biết: – Xác định được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời. – Mô tả được hình dạng, kích thước Trái Đất. Vận dụng cao – Giải thích được vì sao trong Hệ Mặt Trời chỉ có Trái Đất tồn tại sự sống	1 TN			
		2. Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả	Nhận biết: – Mô tả được chuyển động của Trái Đất: quanh trục. Thông hiểu – Nhận biết được giờ địa phương, giờ khu vực (múi giờ). – Trình bày được hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau Vận dụng – Vận dụng kiến thức lí thuyết về giờ địa phương, giờ khu vực. Tính giờ của 1 số quốc gia trên thế giới.	1TN			
		3. Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời và hệ quả	Nhận biết: – Mô tả được chuyển động của Trái Đất: quanh Mặt Trời. Thông hiểu – Trình bày được hiện	1TN			

			tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa và theo vĩ độ Vận dụng cao - Giải thích được hiện tượng ngày đêm dài ngắn khác nhau theo mùa thông qua câu tục ngữ.		1TN		1TL
3	CẤU TẠO CỦA TRÁI ĐẤT - VỎ TRÁI ĐẤT	1. Cấu tạo của Trái Đất. Các mảng kiến tạo	Nhận biết – Trình bày được cấu tạo và đặc điểm các lớp của Trái Đất Thông hiểu - Nêu được đặc điểm của quá trình nội sinh, ngoại sinh Vận dụng - Giải thích được nguyên nhân vì sao nội sinh lại làm cho bề mặt địa hình trở nên gồ ghề.	1TN	1TLa	1TLb	
		2. Núi lửa và động đất	Nhận biết – Trình bày được hiện tượng động đất, núi lửa Thông hiểu – Nêu được nguyên nhân của hiện tượng động đất và núi lửa.	1TN	1TN		
		3. Các dạng địa hình chính trên Trái Đất. Khoáng sản	Nhận biết -Phân biệt được các dạng địa hình chính trên Trái Đất. - Kể tên được một số loại khoáng sản chính Thông hiểu – Trình bày được đặc điểm các dạng địa hình chính trên Trái Đất. Khoáng sản. Vận dụng – Phân biệt được các dạng địa hình chính trên Trái Đất: Núi, đồi, cao nguyên, đồng bằng. -Giải thích được nguyên nhân cần phải sử dụng khoáng sản hợp lí và tiết kiệm.	1TN 1TN			
Tổng số câu/ loại câu				8 câu TNKQ	2 câu TNKQ 1 câu TL(a)	1 câu TL(b)	1câu TL
Tỉ lệ %				20%	15%	10%	5%

<i>Tổng</i>		40%	30%	20%	10%
-------------	--	-----	-----	-----	-----



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGÔ GIA TỰ

Đề 1 - Mã 101
(Đề thi có 02 trang)

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I
MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ - LỚP 6

NĂM HỌC 2023 - 2024
Thời gian làm bài: 60 phút
Ngày kiểm tra: 19/12/2023

A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

I. TRẮC NGHIỆM (2,5 điểm)

Đọc kĩ câu hỏi và ghi lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Vượn người sống cách ngày nay khoảng 5 - 6 triệu năm, có thể

- A. đi lại, hoạt động giống người ngày nay.
- B. hoàn toàn đứng bằng hai chân.
- C. trông trọt và chăn nuôi.
- D. đi bằng hai chi sau.

Câu 2. Cư dân quốc gia cổ đại nào đã sáng tạo ra dương lịch?

- A. Ai Cập.
- B. Hy Lạp và La Mã.

C. Ấn Độ và Trung Quốc.

D. Lưỡng Hà.

Câu 3. Vào năm 221 TCN, ai là người thống nhất Trung Quốc?

A. Thành Cát Tư Hãn.

B. Lưu Bang.

C. Tần Thủy Hoàng.

D. Tư Mã Viêm.

Câu 4. Quá trình tiến hóa từ vượn người thành người trên Trái Đất được diễn ra như thế nào?

A. Vượn người, Người tinh khôn, Người hiện đại.

B. Người tinh khôn, Người tối cổ, Vượn người.

C. Vượn người, Người tối cổ, Người tinh khôn.

D. Vượn người, Người tinh khôn, Người tối cổ.

Câu 5: Lịch sử là những gì

A. đã diễn ra trong quá khứ.

B. đang diễn ra ở hiện tại.

C. sẽ xảy ra trong tương lai.

D. đã và đang diễn ra trong cuộc sống.

Câu 6. Các truyền thuyết như Con Rồng cháu Tiên, Thánh Gióng, Sơn Tinh, Thủy Tinh... thuộc loại hình tư liệu

A. gốc.

B. hiện vật.

C. chữ viết.

D. truyền miệng.

Câu 7. Đại hội nhân dân ở A-ten có vai trò gì?

A. Thực hiện các quyền hành pháp và lập pháp.

B. Đại diện cho thần quyền và vương quyền.

C. Chỉ tồn tại về hình thức.

D. Bầu, cử ra các cơ quan, quyết định mọi công việc.

Câu 8. Tại sao ngành kinh tế nông nghiệp phát triển sớm và mạnh ở hai quốc gia Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại?

A. Các Pha-ra-ông và En-xi đưa ra những chính sách phát triển kinh tế nông nghiệp.

B. Giáp Địa Trung Hải và vịnh Ba Tư cung cấp nguồn nước tưới dồi dào.

C. Địa hình chia cắt, những vùng đồng bằng nhỏ và hẹp.

D. Được các con sông lớn bồi đắp phù sa, tạo nên những đồng bằng màu mỡ.

Câu 9. Đâu không phải đặc điểm của các thành bang ở Hy Lạp cổ đại?

A. Chính quyền, quân đội riêng.

B. Một thần bảo hộ chung cho các nhà nước.

C. Hệ thống kinh tế đo lường, tiền tệ riêng.

D. Đường biên giới lãnh thổ riêng.

Câu 10. Nhà nước Ai Cập cổ đại được hình thành trên lưu vực sông

A. Ti-gơ.

B. Ô-phrát.

C. Trường Giang.

D. Nin.

II. TỰ LUẬN (2,5 điểm)

Câu 1 (1 điểm): Hãy nêu những thành tựu tiêu biểu về tư tưởng, chữ viết, văn học, sử học của nền văn minh Trung Quốc.

Câu 2 (0,5 điểm): Nêu 2 thành tựu tiêu biểu trên lĩnh vực văn hóa của Hy Lạp, La Mã có ảnh hưởng đến hiện nay.

Câu 3 (1 điểm): Nhận xét tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nhà nước Hy Lạp và La Mã.

B. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

I. TRẮC NGHIỆM (2,5 điểm):

Đọc kĩ câu hỏi và ghi lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Các đường kinh tuyến trên Quả Địa Cầu có chiều dài

A. nhỏ dần từ Tây sang Đông.

B. lớn dần từ Đông sang Tây.

C. đều bằng nhau.

D. không bằng nhau.

Câu 2: Muốn xác định phương hướng trên bản đồ cần phải dựa vào

A. các đường vĩ tuyến.

B. các đường kinh tuyến.

C. mép bên trái tờ bản đồ.

D. các đường kinh, vĩ tuyến.

Câu 3: So với mặt phẳng quỹ đạo, trục Trái Đất nghiêng một góc

A. $56^{\circ}27'$

B. $23^{\circ}27'$

C. $66^{\circ}33'$

D. $32^{\circ}27'$

Câu 4: Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời theo một quỹ đạo có hình

A. tròn.

B. elip.

C. vuông.

D. chữ nhật.

Câu 5: Vào ngày nào trong năm ở hai nửa bán cầu đều nhận được một lượng ánh sáng và nhiệt như nhau?

A. Ngày 22/6 và ngày 22/12.

B. Ngày 21/3 và ngày 23/9.

C. Ngày 21/6 và ngày 23/12.

D. Ngày 22/3 và ngày 22/9.

Câu 6: Cấu tạo bên trong của Trái Đất gồm mấy lớp?

A. 2.

B. 3.

C. 4.

D. 5.

Câu 7: Sắt thuộc nhóm khoáng sản

A. kim loại đen

B. kim loại màu .

C. phi kim loại

D. năng lượng.

Câu 8: Dạng địa hình nào dưới đây do quá trình nội sinh tạo nên?

A. Đồng bằng ven biển.

B. Núi lửa.

C. Cồn cát ven biển.

D. Hang động đá vôi.

Câu 9: Khi núi lửa có dấu hiệu phun trào, người dân sống ở gần khu vực núi lửa cần

A. gia cố nhà cửa thật vững chắc

B. nhanh chóng sơ tán khỏi khu vực.

C. chuẩn bị gấp các dụng cụ để dập lửa.

D. đóng cửa ở yên trong nhà, tuyệt đối không ra ngoài.

Câu 10: Núi là dạng địa hình có độ cao tuyệt đối từ

A. 300 – 400m.

B. 400 – 500 m.

C. 200 – 300 m.

D. trên 500 m.

II. TỰ LUẬN (2,5 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

a. Quá trình nội sinh là gì?

b. Tại sao các quá trình nội sinh lại làm cho bề mặt Trái Đất trở nên gồ ghề?

Câu 2 (0, 5 điểm): Tục ngữ nước ta có câu:

Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng

Ngày tháng mười chưa cười đã tối.

Em hiểu như thế nào về câu tục ngữ trên?

----- **HẾT** -----

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGÔ GIA TỰ

Đề 1 - Mã 102

(Đề thi có 02 trang)

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I
MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ - LỚP 6
NĂM HỌC 2023 - 2024

Thời gian làm bài: 60 phút

Ngày kiểm tra: 19/12/2023

A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

I. TRẮC NGHIỆM (2,5 điểm)

Đọc kĩ câu hỏi và ghi lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Cư dân quốc gia cổ đại nào đã sáng tạo ra dương lịch?

- A. Luồng Hà.
- B. Ai Cập.
- C. Ấn Độ và Trung Quốc.
- D. Hy Lạp và La Mã.

Câu 2. Đại hội nhân dân ở A-ten có vai trò gì?

- A. Thực hiện các quyền hành pháp và lập pháp.
- B. Đại diện cho thần quyền và vương quyền.
- C. Bầu, cử ra các cơ quan, quyết định mọi công việc.
- D. Chỉ tồn tại về hình thức.

Câu 3. Đâu **không phải** đặc điểm của các thành bang ở Hy Lạp cổ đại?

- A. Đường biên giới lãnh thổ riêng.
- B. Chính quyền, quân đội riêng.
- C. Một thần bảo hộ chung cho các nhà nước.
- D. Hệ thống kinh tế đo lường, tiền tệ riêng.

Câu 4. Tại sao ngành kinh tế nông nghiệp phát triển sớm và mạnh ở hai quốc gia Ai Cập và Luồng Hà cổ đại?

- A. Được các con sông lớn bồi đắp phù sa, tạo nên những đồng bằng màu mỡ.
- B. Giáp Địa Trung Hải và vịnh Ba Tư cung cấp nguồn nước tưới dồi dào.
- C. Các Pha-ra-ông và En-xi đưa ra những chính sách phát triển kinh tế nông nghiệp.
- D. Địa hình chia cắt, những vùng đồng bằng nhỏ và hẹp.

Câu 5. Vượn người sống cách ngày nay khoảng 5 - 6 triệu năm, có thể

- A. hoàn toàn đứng bằng hai chân.
- B. trồng trọt và chăn nuôi.
- C. đi bằng hai chi sau.
- D. đi lại, hoạt động giống người ngày nay.

Câu 6. Vào năm 221 TCN, ai là người thống nhất Trung Quốc?

- A. Tần Thủy Hoàng.
- B. Tư Mã Viêm.
- C. Thành Cát Tư Hãn.
- D. Lưu Bang.

Câu 7. Quá trình tiến hóa từ vượn người thành người trên Trái Đất được diễn ra như thế nào?

- A. Người tinh khôn, Người tối cổ, Vượn người.
- B. Vượn người, Người tối cổ, Người tinh khôn.
- C. Vượn người, Người tinh khôn, Người hiện đại.
- D. Vượn người, Người tinh khôn, Người tối cổ.

Câu 8. Nhà nước Ai Cập cổ đại được hình thành trên lưu vực sông

- A. Ô-phrát.
- B. Nin.
- C. Ti-grơ.
- D. Trường Giang.

Câu 9. Các truyền thuyết như Con Rồng cháu Tiên, Thánh Gióng, Sơn Tinh, Thủy Tinh... thuộc loại hình tư liệu

- A. gốc.
- B. chữ viết.
- C. hiện vật.
- D. truyền miệng.

Câu 10: Lịch sử là những gì

- A. đã diễn ra trong quá khứ.
- B. đang diễn ra ở hiện tại.
- C. sẽ xảy ra trong tương lai.
- D. đã và đang diễn ra trong cuộc sống.

II. TỰ LUẬN (2,5 điểm)

Câu 1 (1 điểm): Hãy nêu những thành tựu tiêu biểu về tư tưởng, chữ viết, văn học, sử học của nền văn minh Trung Quốc.

Câu 2 (0,5 điểm): Nêu 2 thành tựu tiêu biểu trên lĩnh vực văn hóa của Hy Lạp, La Mã có ảnh hưởng đến hiện nay.

Câu 3 (1 điểm): Nhận xét tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nhà nước Hy Lạp và La Mã.

B. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

I. TRẮC NGHIỆM (2,5 điểm):

Đọc kĩ câu hỏi và ghi lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Muốn xác định phương hướng trên bản đồ cần phải dựa vào

- A. các đường kinh, vĩ tuyến.
- B. các đường kinh tuyến.
- C. mép bên trái tờ bản đồ.
- D. các đường vĩ tuyến.

Câu 2: Các đường kinh tuyến trên Quả Địa Cầu có chiều dài

- A. nhỏ dần từ Tây sang Đông.
- B. lớn dần từ Đông sang Tây.
- C. đều bằng nhau.
- D. không bằng nhau.

Câu 3: So với mặt phẳng quỹ đạo, trục Trái Đất nghiêng một góc

- A. $56^{\circ}27'$
- B. $23^{\circ}27'$
- C. $66^{\circ}33'$
- D. $32^{\circ}27'$

Câu 4: Vào ngày nào trong năm ở hai nửa bán cầu đều nhận được một lượng ánh sáng và nhiệt như nhau?

- A. Ngày 22/6 và ngày 22/12.
- B. Ngày 21/3 và ngày 23/9.
- C. Ngày 21/6 và ngày 23/12.
- D. Ngày 22/3 và ngày 22/9.

Câu 5: Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời theo một quỹ đạo có hình

- A. tròn.
- B. elip.
- C. vuông.
- D. chữ nhật.

Câu 6: Sắt thuộc nhóm khoáng sản

- A. kim loại đen
- B. kim loại màu .
- C. phi kim loại
- D. năng lượng.

Câu 7: Cấu tạo bên trong của Trái Đất gồm mấy lớp?

- A. 2.
- B. 3.
- C. 4.
- D. 5.

Câu 8: Dạng địa hình nào dưới đây do quá trình nội sinh tạo nên?

- A. Đồng bằng ven biển.
- B. Núi lửa.
- C. Cồn cát ven biển.
- D. Hang động đá vôi.

Câu 9: Núi là dạng địa hình có độ cao tuyệt đối từ

- A. 300 – 400m.
- B. 400 – 500 m.
- C. 200 – 300 m.
- D. trên 500 m.

Câu 10: Khi núi lửa có dấu hiệu phun trào, người dân sống ở gần khu vực núi lửa cần

- A. gia cố nhà cửa thật vững chắc
- B. nhanh chóng sơ tán khỏi khu vực.
- C. chuẩn bị gấp các dụng cụ để dập lửa.
- D. đóng cửa ở yên trong nhà, tuyệt đối không ra ngoài.

II. TỰ LUẬN (2,5 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

- a. Quá trình nội sinh là gì?
- b. Tại sao các quá trình nội sinh lại làm cho bề mặt Trái Đất trở nên gồ ghề?

Câu 2 (0, 5 điểm): Tục ngữ nước ta có câu:

Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng
Ngày tháng mười chưa cười đã tối.

----- **HẾT** -----

Đề 1 - Mã 103
(Đề thi có 02 trang)

Ngày kiểm tra: 19/12/2023

- A. đi bằng hai chi sau.
B. hoàn toàn đứng bằng hai chân.

C. trồng trọt và chăn nuôi.

D. đi lại, hoạt động giống người ngày nay.

Câu 10. Đâu không phải đặc điểm của các thành bang ở Hy Lạp cổ đại?

A. Hệ thống kinh tế đo lường, tiền tệ riêng.

B. Đường biên giới lãnh thổ riêng.

C. Một thần bảo hộ chung cho các nhà nước.

D. Chính quyền, quân đội riêng.

II. TỰ LUẬN (2,5 điểm)

Câu 1 (1 điểm): Hãy nêu những thành tựu tiêu biểu về tư tưởng, chữ viết, văn học, sử học của nền văn minh Trung Quốc.

Câu 2 (0,5 điểm): Nêu 2 thành tựu tiêu biểu trên lĩnh vực văn hóa của Hy Lạp, La Mã có ảnh hưởng đến hiện nay.

Câu 3 (1 điểm): Nhận xét tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nhà nước Hy Lạp và La Mã.

B. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

I. TRẮC NGHIỆM (2,5 điểm):

Đọc kĩ câu hỏi và ghi lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Cấu tạo bên trong của Trái Đất gồm mấy lớp?

A. 5.

B. 4.

C. 3.

D. 2.

Câu 2: Sắt thuộc nhóm khoáng sản

A. phi kim loại.

B. kim loại màu .

C. kim loại đen.

D. năng lượng.

Câu 3: Dạng địa hình nào dưới đây do quá trình nội sinh tạo nên?

A. Đồng bằng ven biển.

B. Hang động đá vôi.

C. Cồn cát ven biển.

D. Núi lửa.

Câu 4: Khi núi lửa có dấu hiệu phun trào, người dân sống ở gần khu vực núi lửa cần

A. nhanh chóng sơ tán khỏi khu vực.

B. gia cố nhà cửa thật vững chắc.

C. chuẩn bị gấp các dụng cụ để dập lửa.

D. đóng cửa ở yên trong nhà, tuyệt đối không ra ngoài.

Câu 5: Núi là dạng địa hình có độ cao tuyệt đối từ

A. 300 – 400m.

B. trên 500 m.

C. 200 – 300 m.

D. 400 – 500 m.

Câu 6: Các đường kinh tuyến trên Quả Địa Cầu có chiều dài

A. nhỏ dần từ Tây sang Đông.

B. lớn dần từ Đông sang Tây.

C. đều bằng nhau.

D. không bằng nhau.

Câu 7: Muốn xác định phương hướng trên bản đồ cần phải dựa vào

A. các đường kinh, vĩ tuyến.

B. các đường kinh tuyến.

C. mép bên trái tờ bản đồ.

D. các đường vĩ tuyến.

Câu 8: So với mặt phẳng quỹ đạo, trục Trái Đất nghiêng một góc

A. $56^{\circ}27'$

B. $23^{\circ}27'$

C. $66^{\circ}33'$

D. $32^{\circ}27'$

Câu 9: Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời theo một quỹ đạo có hình

A. tròn.

B. vuông.

C. elip.

D. chữ nhật.

Câu 10: Vào ngày nào trong năm ở hai nửa bán cầu đều nhận được một lượng ánh sáng và nhiệt như nhau?

A. Ngày 22/6 và ngày 22/12.

B. Ngày 21/3 và ngày 23/9.

C. Ngày 21/6 và ngày 23/12.

D. Ngày 22/3 và ngày 22/9.

II. TỰ LUẬN (2,5 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

a. Quá trình nội sinh là gì?

b. Tại sao các quá trình nội sinh lại làm cho bề mặt Trái Đất trở nên gồ ghề?

Câu 2 (0, 5 điểm): Tục ngữ nước ta có câu:

Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng

Ngày tháng mười chưa cười đã tối.

Em hiểu như thế nào về câu tục ngữ trên?

----- **HẾT** -----

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGÔ GIA TỰ

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I
MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ - LỚP 6

NĂM HỌC 2023 - 2024

Thời gian làm bài: 60 phút

Ngày kiểm tra: 19/12/2023

Đề 1 - Mã 104

(Đề thi có 02 trang)

A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

I. TRẮC NGHIỆM (2,5 điểm)

Đọc kĩ câu hỏi và ghi lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Vào năm 221 TCN, ai là người thống nhất Trung Quốc?

A. Tần Thủy Hoàng.

B. Tư Mã Viêm.

C. Lưu Bang.

D. Thành Cát Tư Hãn.

Câu 2: Lịch sử là những gì

A. đã diễn ra trong quá khứ.

B. đang diễn ra ở hiện tại.

C. sẽ xảy ra trong tương lai.

D. đã và đang diễn ra trong cuộc sống.

Câu 3. Nhà nước Ai Cập cổ đại được hình thành trên lưu vực sông

A. Nin.

B. Trường Giang.

C. Ô-phrát.

D. Ti-gơơ.

Câu 4. Đâu không phải đặc điểm của các thành bang ở Hy Lạp cổ đại?

A. Đường biên giới lãnh thổ riêng.

B. Chính quyền, quân đội riêng.

C. Hệ thống kinh tế đo lường, tiền tệ riêng.

D. Một thần bảo hộ chung cho các nhà nước.

Câu 5. Vượn người sống cách ngày nay khoảng 5 - 6 triệu năm, có thể

A. hoàn toàn đứng bằng hai chân.

B. đi bằng hai chi sau.

C. đi lại, hoạt động giống người ngày nay.

D. trồng trọt và chăn nuôi.

Câu 6. Quá trình tiến hóa từ vượn người thành người trên Trái Đất được diễn ra như thế nào?

A. Người tinh khôn, Người tối cổ, Vượn người.

B. Vượn người, Người tinh khôn, Người tối cổ.

C. Vượn người, Người tối cổ, Người tinh khôn.

D. Vượn người, Người tinh khôn, Người hiện đại.

Câu 7. Đại hội nhân dân ở A-ten có vai trò gì?

- A. Chỉ tồn tại về hình thức.
- B. Bầu, cử ra các cơ quan, quyết định mọi công việc.
- C. Đại diện cho thần quyền và vương quyền.
- D. Thực hiện các quyền hành pháp và lập pháp.

Câu 8. Các truyền thuyết như Con Rồng cháu Tiên, Thánh Gióng, Sơn Tinh, Thủy Tinh... thuộc loại hình tư liệu

- A. hiện vật.
- B. chữ viết.
- C. truyền miệng.
- D. gốc.

Câu 9. Tại sao ngành kinh tế nông nghiệp phát triển sớm và mạnh ở hai quốc gia Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại?

- A. Giáp Địa Trung Hải và vịnh Ba Tư cung cấp nguồn nước tưới dồi dào.
- B. Các Pha-ra-ông và En-xi đưa ra những chính sách phát triển kinh tế nông nghiệp.
- C. Địa hình chia cắt, những vùng đồng bằng nhỏ và hẹp.
- D. Được các con sông lớn bồi đắp phù sa, tạo nên những đồng bằng màu mỡ.

Câu 10. Cư dân quốc gia cổ đại nào đã sáng tạo ra dương lịch?

- A. Hy Lạp và La Mã.
- B. Ấn Độ và Trung Quốc.
- C. Lưỡng Hà.
- D. Ai Cập.

II. TỰ LUẬN (2,5 điểm)

Câu 1 (1 điểm): Hãy nêu những thành tựu tiêu biểu về tư tưởng, chữ viết, văn học, sử học của nền văn minh Trung Quốc.

Câu 2 (0,5 điểm): Nêu 2 thành tựu tiêu biểu trên lĩnh vực văn hóa của Hy Lạp, La Mã có ảnh hưởng đến hiện nay.

Câu 3 (1 điểm): Nhận xét tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nhà nước Hy Lạp và La Mã.

B. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

I. TRẮC NGHIỆM (2,5 điểm):

Chọn đáp án đúng bằng cách ghi lại chữ cái đầu câu.

Câu 1: So với mặt phẳng quỹ đạo, trục Trái Đất nghiêng một góc

- A. $56^{\circ}27'$
- B. $23^{\circ}27'$
- C. $66^{\circ}33'$
- D. $32^{\circ}27'$

Câu 2: Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời theo một quỹ đạo có hình

- A. tròn.
- B. elip.
- C. vuông.
- D. chữ nhật.

Câu 3: Các đường kinh tuyến trên Quả Địa Cầu có chiều dài

- A. nhỏ dần từ Tây sang Đông.
- B. lớn dần từ Đông sang Tây.
- C. đều bằng nhau.
- D. không bằng nhau.

Câu 4: Muốn xác định phương hướng trên bản đồ cần phải dựa vào

- A. các đường kinh, vĩ tuyến.
- B. các đường kinh tuyến.
- C. mép bên trái tờ bản đồ.
- D. các đường vĩ tuyến.

Câu 5: Vào ngày nào trong năm ở hai nửa bán cầu đều nhận được một lượng ánh sáng và nhiệt như nhau?

- A. Ngày 22/6 và ngày 22/12.
- B. Ngày 21/3 và ngày 23/9.
- C. Ngày 21/6 và ngày 23/12.
- D. Ngày 22/3 và ngày 22/9.

Câu 6: Dạng địa hình nào dưới đây do quá trình nội sinh tạo nên?

- A. Đồng bằng ven biển.
- B. Núi lửa.

C. Còn cát ven biển.

D. Hang động đá vôi.

Câu 7: Khi núi lửa có dấu hiệu phun trào, người dân sống ở gần khu vực núi lửa cần

A. gia cố nhà cửa thật vững chắc

B. nhanh chóng sơ tán khỏi khu vực.

C. chuẩn bị gấp các dụng cụ để dập lửa.

D. đóng cửa ở yên trong nhà, tuyệt đối không ra ngoài.

Câu 8: Núi là dạng địa hình có độ cao tuyệt đối từ

A. 300 – 400m.

B. 400 – 500 m.

C. 200 – 300 m.

D. trên 500 m.

Câu 9: Cấu tạo bên trong của Trái Đất gồm mấy lớp?

A. 2.

B. 3.

C. 4.

D. 5.

Câu 10: Sắt thuộc nhóm khoáng sản

A. kim loại đen

B. kim loại màu .

C. phi kim loại

D. năng lượng.

II. TỰ LUẬN (2,5 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

a. Quá trình nội sinh là gì?

b. Tại sao các quá trình nội sinh lại làm cho bề mặt Trái Đất trở nên gồ ghề?

Câu 2 (0, 5 điểm): Tục ngữ nước ta có câu:

Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng

Ngày tháng mười chưa cười đã tối.

Em hiểu như thế nào về câu tục ngữ trên?

----- **HẾT** -----

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGÔ GIA TỰ

ĐỀ 1

ĐÁP ÁN KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I
MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ - LỚP 6
NĂM HỌC 2023 - 2024

Thời gian làm bài: 60 phút

Ngày kiểm tra: 19/12/2023

A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

I. TRẮC NGHIỆM (2, 5 điểm)

Mỗi đáp án đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Mã đề 101	D	B	C	C	A	D	D	D	B	D
Mã đề 102	D	C	C	A	C	A	B	B	D	A
Mã đề 103	C	D	C	A	B	B	C	A	A	C
Mã đề 104	A	A	A	D	B	C	B	C	D	A

II. TỰ LUẬN (2,5 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
1	Những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Trung Quốc.	1
	- Về tư tưởng: có nhiều thuyết học, tư tưởng, chính trị học, nổi bật nhất là Nho gia, Pháp gia, Đạo gia, Mặc gia.	0,25
	- Về chữ viết: Chữ giáp cốt và chữ viết trên thẻ tre, gổ.	0,25
	- Về văn học: Nhiều tác phẩm văn học nổi tiếng như Kinh Thi, Sở từ...	0,25
	- Về sử học: Có các tác phẩm nổi tiếng như Sử Kí, Tam quốc chí.	0,25

2	Học sinh nêu được 2 thành tựu tiêu biểu trên lĩnh vực văn hóa của Hy Lạp, La Mã có ảnh hưởng đến hiện nay. (Mỗi thành tựu được 0,25 đ). - Ví dụ: + Sáng tạo ra hệ chữ cái La-tinh (A, B, C,...) và chữ số La Mã (I,II, III...) mà ngày nay chúng ta đang sử dụng. + Những định lý, định đề đặt nền móng cho sự ra đời của các khoa học sau này như định Lý Pi-ta-go, định lý Ta-lét, định luật Ác-si-mét.... + Nhiều công trình kiến trúc, điêu khắc nổi tiếng được bảo tồn đến ngày nay. Kiến trúc Hy-La cổ đại đã được thế giới thừa nhận và ứng dụng cho những công trình kiến trúc hiện đại.	0,5
3	Nhận xét tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nhà nước Hy Lạp và La Mã. - Do đất đai canh tác xấu, khi công cụ bằng sắt xuất hiện, việc trồng trọt mới có hiệu quả => có sản phẩm dư thừa, xuất hiện tư hữu và sự phân chia giai cấp. Vì vậy, nhà nước cổ đại ra đời muộn hơn so với phương Đông. - Do lãnh thổ bị chia cắt nên khó có điều kiện tập trung đông dân cư => khi xã hội có giai cấp hình thành thì mỗi vùng, mỗi bán đảo trở thành một quốc gia => diện tích mỗi nước khá nhỏ.	1 0,5 0,5

B. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

I. TRẮC NGHIỆM (2, 5 điểm)

Mỗi đáp án đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Mã đề 101	C	D	C	B	A	B	A	B	B	D
Mã đề 102	A	C	C	A	B	A	B	B	D	B
Mã đề 103	C	C	D	A	B	C	A	C	C	A
Mã đề 104	C	B	C	A	A	B	B	D	B	A

II. TỰ LUẬN (2,5 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
1	a. Quá trình nội sinh là: - Là các quá trình hình thành địa hình có liên quan tới các hiện tượng xảy ra ở lớp man-ti. - Các quá trình nội sinh liên quan tới nguồn năng lượng được sinh ra trong lòng Trái Đất b. Các quá trình nội sinh lại làm cho bề mặt Trái Đất trở nên gồ ghề vì: - Các quá trình nội sinh liên quan tới nguồn năng lượng được sinh ra trong lòng Trái Đất. Các nguồn năng lượng này khiến cho các mảng kiến tạo dịch chuyển. - Khi các mảng kiến tạo dịch chuyển sẽ làm cho bề mặt địa hình Trái Đất bị nhô lên hoặc hạ xuống, làm cho bề mặt Trái Đất trở nên gồ ghề	2 0,5 0,5 0,5 0,5
2	Tục ngữ nước ta có câu: Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng Ngày tháng mười chưa cười đã tối. Giải thích: - Câu tục ngữ trên liên quan đến hiện tượng ngày đêm dài ngắn khác nhau theo mùa ở bán cầu Bắc.	0,5 0,25

	- Ở nước ta, vào tháng 5 (mùa hè) bán cầu Bắc ngả về phía Mặt Trời nên có ngày dài hơn đêm; Tháng 10 (mùa đông) bán cầu Bắc chéch xa phía Mặt Trời nên có ngày ngắn hơn đêm.	0,25
--	--	------

GV RA ĐỀ

TT CHUYÊN MÔN

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Phản Lịch sử: Hoàng Thị Thắm

Phản Địa lí: Lê Thị Trang

Nguyễn Thu Phương

Nguyễn Thị Song Đăng

